

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2017/DS-PT

Ngày: 16 - 8 - 2017

V/v: “Tranh chấp tài sản chia thừa kế
và tài sản chung có nguồn gốc thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Nguyễn Hữu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2016/TLPT-DS ngày 27/4/2016 về việc “*Tranh chấp tài sản thừa kế và tranh chấp tài sản chung có nguồn gốc thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2016/DSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2016/QĐXX-PT ngày 01 tháng 8 năm 2016, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đình K, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: 64/3 ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 04/4/2016) (có mặt).

Địa chỉ: 163/15/7F THT, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 65/5A PNC, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà à: Ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Xuân M (vắng mặt).

Địa chỉ: 54/4 ấp TC1, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: 528/18 ĐBP, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông NLQ2, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: 26/525 LĐT, phường 16, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà NLQ3(mất năm 1991).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ3: Ông Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 1883 Curtner Ave #2, Sanjose, CA 95124, USA.

4. Bà NLQ4, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 265 NQ, phường 6, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà NLQ5, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: 185/78/3 PĐP, phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông NLQ6, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 849 Proxpect Ave Bronx N.Y 10459, USA.

7. Ông NLQ7, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 83/3 TC, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người đại diện hợp pháp của bà NLQ1, ông NLQ2, ông Đ, bà NLQ4, bà NLQ5, ông NLQ6, ông NLQ7:* Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1963 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 09/5/2017).

Địa chỉ: Số 4 TQD, phường 13, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Bà NLQ8, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 65/5A PNC, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ8: Ông Nguyễn Văn T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 54/4 ấp TC1, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Vũ Đình K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn ông Vũ Đình K do ông Nguyễn Thế T2 đại diện trình bày: Cha mẹ ông Vũ Đình K là ông Vũ Đình V(chết năm 1981), bà Lại Thị H1 (chết năm 2005). Lúc sinh thời có 08 người con gồm:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1944
 2. Ông NLQ2, sinh năm 1947
 3. Ông NLQ6, sinh năm 1949
 4. Bà NLQ3 sinh năm 1958 (chết năm 1991)
- Bà NLQ3 có con là ông Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1976
5. Ông Vũ Đình K, sinh năm 1959
 6. Bà NLQ4, sinh năm 1965
 7. Bà NLQ5, sinh năm 1967
 8. Ông Vũ Quang M1, sinh năm 1970, chết năm 2003.

Ông M1 có vợ là bà Trần Thị Thu H có con là NLQ8 ngoài ra trước đó ông có vợ Lưu Bích T3 (đã ly hôn) có con tên NLQ7, sinh năm 1993.

Nhà đất tọa lạc tại số 65/5A PNC, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc thuộc sở hữu của ông V, bà H1, sau khi ông bà chết thì bà H quản lý sử dụng, khi ông K làm các thủ tục hợp thức hóa thì bà H ngăn cản. Nay ông K khởi kiện đòi chia thừa kế theo di chúc của bà H1 lập văn bản đề ngày 28/5/2004, đối với phần tài sản thừa kế của ông V ông yêu cầu chia theo pháp luật.

Ngoài ra, bà NLQ5 là em ông cũng có yêu cầu trước khi chia thừa kế phải trừ ra và trả cho bà số tiền xây dựng sửa chữa nhà là 120.000.000 đồng.

Theo đơn và các lời khai của phía bị đơn bà Trần Thị Thu H do ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Xuân M đại diện trình bày: Nhà đất và lịch sử gia đình như phía nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên cha chồng bà là ông V khi còn sống có nói cho nhà đất trên cho chồng bà là ông M1 mọi anh em trong gia đình đều biết, bà không có giấy tờ di chúc gì chứng minh nhưng bà đã quản lý sử dụng nhà trên từ năm 1997 đến nay.

Phía ông K cho rằng có di chúc nhưng bà thấy chữ ký chữ viết trong di chúc đều là giả mạo, ngoài ra bà NLQ5 đòi số tiền sửa chữa nhà năm 2008, tuy nhiên

nhà này bà đang quản lý sử dụng, giữa anh em trong gia đình có sự bất đồng thì làm sao ai vào sửa chữa được, nên bà không đồng ý yêu cầu của bà NLQ5.

Khi kết hôn với ông M1 từ năm 1997 bà về ở nhà này đến nay bà không còn chỗ ở nào khác nên bà xin được giữ lại ngôi nhà.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà NLQ5 trình bày: Vào năm 2008 bà có bỏ ra số tiền sửa chữa nhà này theo hợp đồng thi công số tiền sửa chữa là 120.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu độc lập là trước khi chia thừa kế phải trừ ra và trả cho bà số tiền xây dựng sửa chữa nhà là 120.000.000 đồng.

Ngoài ra bà yêu cầu được chia phần thừa kế của bà theo quy định pháp luật.

Bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ6, ông Nguyễn Vũ Đ, bà NLQ4, ông NLQ7 do ông Nguyễn Thế T2 đại diện trình bày: Thống nhất với yêu cầu của ông K.

Bà NLQ8 do ông Nguyễn Văn T1 đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Thu H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2016/DSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Điều 25, Điều 33, Điều 34, Điều 128, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 645, Điều 646, Điều 674 và Điều 683 Bộ luật dân sự; áp dụng Nghị quyết 02/2004/HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình V chết không để lại di chúc, do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi chia di sản theo di chúc của bà Lại Thị H1 lập ngày 28/5/2004.

3. Chia thừa kế theo pháp luật như sau:

3.1. Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tọa lạc tại số 65/5A PNC, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM là di sản thừa kế do bà Lại Thị H1 chết để lại.

3.2. Những người được hưởng thừa kế gồm: Ông Vũ Đình K, bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ6, bà NLQ4, bà NLQ5, Thừa kế của bà NLQ3(ông Nguyễn Vũ Đ), thừa kế của ông Vũ Quang M1 (bà Trần Thị Thu H, bà NLQ8, ông NLQ7) mỗi người được hưởng giá trị bằng số tiền 38.109.000 đồng.

Đối với Bà Trần Thị Thu H, bà NLQ8, ông NLQ7 mỗi người cụ thể được hưởng giá trị bằng số tiền 12.703.000 đồng.

3.3. Bà Trần Thị Thu H được nhận hiện vật nên được sở hữu đối với phần nhà đất nêu trên, bà Hà có trách nhiệm hoàn lại cho các đồng thừa kế giá trị bằng tiền theo phần như sau:

Ông Vũ Đình K, bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ6, bà NLQ4, bà NLQ5, thừa kế của bà NLQ3(ông Nguyễn Vũ Đ) mỗi người số tiền 38.109.000 đồng.

Ông NLQ7, bà NLQ8 mỗi người số tiền 12.703.000đ.

Sau khi thanh toán xong số tiền trên cho các đồng thừa kế bà H đến các cơ quan chức năng làm thủ tục hợp thức hóa chủ quyền phần nhà đất trên theo quy định pháp luật.

4. Bác yêu cầu của bà NLQ5 về việc đòi các đồng thừa kế trả số tiền sửa chữa nhà 120.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Đình K chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.905.450 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.666.600 đồng theo biên lai thu số AB/2011/01348 ngày 12/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Vũ Đình K số tiền 4.761.150 đồng.

Bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ6, bà NLQ4, thừa kế của bà NLQ3(ông Nguyễn Vũ Đ) mỗi người chịu số tiền 1.905.450 đồng.

Bà Trần Thị Thu H, bà NLQ8, ông NLQ7 mỗi người chịu số tiền 635.150 đồng.

Bà NLQ5 phải chịu 1.905.450 đồng tiền án phí sơ thẩm về thừa kế và 6.000.000đ đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số AG/2010/06618 ngày 17/3/2014 (ông Nguyễn Thế T2 nộp). Như vậy bà NLQ5 còn phải nộp tiếp số tiền là 4.905.450 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 01 năm 2016, nguyên đơn ông Vũ Đình K kháng cáo, cho rằng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và không phù hợp với việc áp dụng quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 01 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ5 kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà

về việc yêu cầu các đồng thừa kế trả lại phần tiền mà bà đã bỏ ra để sửa chữa nhà là chưa xem xét đầy đủ chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và không phù hợp với việc áp dụng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên cũng không tự thỏa thuận hòa giải được, vẫn yêu cầu tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật; Ông Vũ Đình K, bà NLQ5 vẫn giữ nguyên quan điểm kháng cáo; Đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa trình bày quan điểm, đánh giá phân tích chứng cứ và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Đình K, bà NLQ5, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này đã qua 5 lần hoãn phiên tòa do vắng mặt của một số người tham gia tố tụng (*Đã hoãn phiên tòa cụ thể: ngày 28/8/2016; ngày 10/10/2016; ngày 08/12/2016; ngày 10/3/2017; ngày 12/5/2017*). Đây là phiên tòa được mở lần thứ 6, nên việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm được xem là hợp lệ;

[2] Tài sản các bên tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế là căn nhà và đất tọa lạc tại 65/5A PNC, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của 2 cụ Vũ Đình V, Lại Thị H1 chết để lại (*cụ V chết năm 1981; cụ H1 chết năm 2005*). Nên đây là di sản của 2 cụ Vũ Đình Vy, Lại Thị H1 chết để lại, hiện do phía bị đơn bà Trần Thị Thu H đang quản lý sử dụng,

[3] Theo bản án dân sự sơ thẩm số 12/2016/DSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Ông Vũ Đình V chết năm 1981 đến nay đã quá thời hiệu 10 năm theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005, những người đồng thừa kế không có văn bản kê khai di sản thừa kế và không có văn bản xác định tài sản chung chưa chia; theo quy định tại Nghị quyết số 02/2004/HĐTP TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện, nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn. Và chỉ chia thừa kế đối với kỷ phần di sản của bà Lại Thị H1 chết để lại cho các đồng thừa kế theo quy định.

Nhận định trên của tòa sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, đúng với thời điểm pháp luật hiện hành quy định.

[4] Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc thẩm do pháp luật có sự thay đổi; bởi tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...*”.

Như vậy, tuy ông Vũ Đình V chết từ năm 1981 nhưng thời điểm để tính thời hiệu thừa kế, kể từ ngày pháp lệnh thừa kế năm 1990 có hiệu lực pháp luật (*có hiệu lực từ ngày 10/9/1990*), nên thời hiệu để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình V chết để lại vẫn còn.

[5] Như đã phân tích trên, do kỷ phần di sản của ông Vũ Đình V chết để lại chưa được tòa cấp sơ thẩm xem xét chia theo quy định, nên tòa cấp phúc thẩm cũng không được đặt ra để xem xét, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho tòa cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2016/DSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.
- Án phí dân sự phúc thẩm ông Vũ Đình K , bà NLQ5 không phải chịu, do ông Vũ Đình K, bà NLQ5 mỗi người đã dự nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 02515 ngày 02/3/2016 và số 02522 ngày 03/3/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được hoàn lại.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (8);
- Lưu (3) 21b (Ấn39)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Khởi